

Số: 1900 /QĐ-CHK

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT HỒ SƠ TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN MỞ RỘNG NHÀ GA HÀNH KHÁCH T2 - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/08/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Thông tư số 17/20016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Thông tư 30/2020/TT-BGTVT ngày 18/11/2020 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-BGTVT ngày 07/09/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam và Quyết định số 1055/QĐ-BGTVT ngày 31/05/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2606/QĐ-BGTVT ngày 07/09/2017 của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 20/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể CHKQT Nội Bài;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-BGTVT ngày 27/8/2010 của Bộ GTVT về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể CHKQT Nội Bài và phương án Tổng mặt bằng dự án xây dựng nhà ga hành khách T2;

Căn cứ Văn bản số 11281/BGTVT-KHĐT ngày 05/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận cập nhật quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết một số công trình tại Cảng HKQT Nội Bài;

Căn cứ Quyết định số 2729/QĐ-BGTVT ngày 19/12/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc Phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng tại các cảng hàng không đang khai thác giai đoạn 2018-2025;

Xét đề nghị của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam tại văn bản số 3130/TCTCHKVN-BQLDAMRT2 ngày 14/10/2021 về việc Hoàn thiện hồ sơ bản vẽ Tổng mặt bằng Dự án “Mở rộng nhà ga hành khách T2 - Cảng HKQT Nội Bài”.

Theo đề nghị của phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay tại Tờ trình số 495/TTr-QLC ngày 09/11/2021 kết quả thẩm định phê duyệt hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng dự án “Mở rộng nhà ga hành khách T2 – Cảng HKQT Nội Bài”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án “Mở rộng nhà ga hành khách T2 - Cảng HKQT Nội Bài”, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí khu vực lập tổng mặt bằng:

1.1. Vị trí khu vực lập tổng mặt bằng: Nhà ga hành khách T2 – Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội.

1.2. Ranh giới lập tổng mặt bằng:

- Phía Bắc tiếp giáp sân đỗ máy bay;
- Phía Nam (khu vực bãi đỗ xe ô tô P4) tiếp giáp khu dân cư xã Phú Cường;
- Phía Tây (khu vực trạm xử lý nước thải) tiếp giáp quốc lộ 2;
- Phía Đông tiếp giáp Nhà khách A.

(Chi tiết các mốc giới tại bản vẽ số QH-01: Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất).

* **Lưu ý:** Phạm vi lập tổng mặt bằng không bao gồm bãi đỗ xe ô tô P8.

1.3. Quy mô diện tích: 412.203 m².

2. Cơ quan tổ chức lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (Chủ đầu tư): Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

3. Danh mục hồ sơ, bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500: Thuyết minh và bản vẽ kèm theo.

4. Nội dung hồ sơ bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500:

4.1. Quy mô

- Bản vẽ tổng mặt bằng của Dự án mở rộng nhà ga hành khách T2 và các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ đồng bộ được lập đảm bảo công suất khai thác 15 triệu HK/năm.

- Các công trình xây dựng trong khu vực:

+ Nhà ga hành khách T2 đáp ứng công suất 15 triệu HK/năm;

+ Các công trình phụ trợ đồng bộ: Trạm cấp điện, trạm xử lý nước thải và trạm thu gom chất thải rắn, hạ tầng giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống camera giám sát các vị trí đỗ tàu bay xung quanh nhà ga T2 mở rộng, bãi đỗ xe (khoảng 2.327 vị trí đỗ các loại: xe con, xe taxi, xe buýt nhỏ, xe buýt lớn, chưa bao gồm các vị trí đỗ tại sân đỗ P8) và các công

trình phụ trợ khác.

4.2. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất khu vực quy hoạch:

STT	Nội dung	Ký hiệu loại đất/ Lô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích đất xây dựng công trình (m ²)	Diện tích sàn xây dựng công trình (m ²)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ chiếm đất (%)
						Mật độ xây dựng (%)	Số tầng cao (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	CHK	82.831	82.831	206.000	100,0	4	2,5	20,09
1.1	Nhà ga hành khách T2	DV	82.831	82.831	206.000	100,0	4	2,5	
2	ĐẤT HẠ TẦNG CẢNG HÀNG KHÔNG	HT.HK	40.140	40.140	40.140	100,0			9,74
2.1	Đường công vụ giữa nhà ga hành khách và sân đỗ tàu bay.	DCV	40.140	40.140	40.140	100,0		1,0	
3	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	HT.KT	38.402	37.309	37.309	97,2		1,0	9,32
3.1	Trạm cấp điện	TD	786	774	774	98,4	1	1,0	
3.2	Tháp giải nhiệt và bể cấp nước	TGN+B N	2.384	1.303	1.303	54,7		0,55	
3.3	Trạm thu gom chất thải rắn	R	558	558	558	100,0	1	1,0	
3.4	Trạm xử lý nước thải	TXLNT	10.784	10.784	10.784	100,0	1	1,0	
3.5	Mương thoát nước	MTN	23.890	23.890	23.890	100,0			
4	ĐẤT HẠ TẦNG GIAO THÔNG	GT	149.750	149.750	149.750	100,0		1,0	36,33
4.1	Bãi đỗ xe:	GT1	78.730	78.730	78.730	100,0		1,0	
4.1.1	Khu vực nhà ga T2	GT1.1	47.774	47.774	47.774	100,0		1,0	
4.1.2	Khu vực bãi đỗ xe phía Nam	GT1.2	30.956	30.956	30.956	100,0		1,0	
4.2	Đường giao thông nội bộ:	GT2	71.020	71.020	71.020	100,0		1,0	
4.2.1	Khu vực nhà ga T2	GT2.1	43.664	43.664	43.664	100,0		1,0	
4.2.2	Khu vực bãi đỗ xe phía Nam	GT2.2	22.106	22.106	22.106	100,0		1,0	
4.2.3	Khu vực trạm xử	GT2.3	5.250	5.250	5.250	100,0		1,0	

STT	Nội dung	Ký hiệu loại đất/ Lô đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích đất xây dựng công trình (m ²)	Diện tích sàn xây dựng công trình (m ²)	Các chỉ tiêu sử dụng đất			Tỷ lệ chiếm đất (%)
						Mật độ xây dựng (%)	Số tầng cao (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	
	<i>lý nước thải</i>								
5	ĐẤT CÂY XANH, MẶT NƯỚC	CX	101.080						24,52
5.1	Đất cây xanh, mặt nước - khu vực Nhà ga T2 (phía Bắc)	CX1	39.471						
5.2	Đất cây xanh, mặt nước - khu vực bãi đỗ xe (phía Nam)	CX2	52.592						
5.3	Đất cây xanh, mặt nước - khu vực trạm xử lý nước thải	CX3	9.017						
	TỔNG CỘNG		412.203	310.030	433.199				100
Mật độ xây dựng gộp toàn khu (%)						75,21			
Hệ số sử dụng đất toàn khu						1,05			

Lưu ý: Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất tại bảng nêu trên chỉ phục vụ cho công tác lập bản vẽ tổng mặt bằng 1/500, không phục vụ mục đích giao đất, cho thuê đất.

4.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế tổng mặt bằng:

Tổ chức không gian khu vực với ý tưởng tạo lập một khu phát triển toàn diện theo mô hình một Tổ hợp hiện đại, xanh, sạch, đẹp, thân thiện môi trường. Khu vực quy hoạch có tổ chức không gian linh hoạt tạo nên sự giao thoa giữa các khu chức năng.

4.3.1. Công trình Nhà ga hành khách T2

- Nhà ga hành khách T2 được bố trí theo dạng tuyến tính để tối ưu vị trí đỗ máy bay phù hợp với sân đỗ hiện hữu, đảm bảo quy trình phục vụ bay được thực hiện mạch lạc, thuận tiện cho việc tiếp cận đón tiễn hành khách ở khu vực giao thông trước nhà ga.

4.3.2. Tổng mặt bằng công trình hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật

a. Hệ thống giao thông:

- Giữ nguyên theo hiện trạng gồm đường trục chính và cầu cạn tiếp cận nhà ga với tổng chiều dài khoảng 2.500m. Chiều rộng mặt đường điển hình B = 7,0m,

phía trước sảnh nhà ga B = 17,5m.

- Các điểm đầu nối giao thông với đường trục Võ Văn Kiệt: mở rộng lối vào từ hướng cầu Nhật Tân nhằm phân tách luồng phương tiện vào tầng 1 và tầng 3 nhà ga T2. Các điểm đầu nối còn lại giữ nguyên theo hiện trạng.

- Hệ thống bãi đỗ xe ô tô: mở rộng tối đa diện tích các bãi đỗ xe hiện hữu nhằm tăng năng lực đỗ xe (mở rộng sân đỗ ô tô P2 và P3, các sân đỗ còn lại giữ nguyên theo hiện trạng) nâng tổng số vị trí đỗ xe lên 2.327 vị trí các loại.

b. Hệ thống cấp điện:

- Giữ nguyên vị trí các trạm điện như hiện trạng. Khi nhà ga mở rộng tăng công suất lên 15 triệu hành khách/năm, các trạm biến áp ST1, ST2, ST3 và ST4, bổ sung thêm các máy biến áp để đảm bảo công suất điện phục vụ nhà ga và các máy phát điện dự phòng.

- Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà ga trong khu vực được thiết kế theo các tiêu chí: Chiếu sáng chung và chiếu sáng đảm bảo giao thông giống như đã khai thác từ trước đến nay: Tuân thủ các tiêu chuẩn xây dựng trong nước về chiếu sáng giao thông. Với các trục đường có vỉa hè lớn hơn hoặc bằng 5m được chiếu sáng bằng các đèn chiếu sáng lối đi bộ riêng hoặc kết hợp với chiếu sáng đường.

c. Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước sạch của nhà ga hành khách được lấy từ trạm cung cấp nước sạch - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật hàng không Nội Bài trực thuộc Cảng HKQT Nội Bài và được lưu trữ trong 02 bể ngầm hiện hữu tại khu vực cánh Tây nhà ga.

d. Hệ thống thoát nước mưa:

Bổ sung đường ống công thoát nước mưa từ các khu vực mở rộng kết nối vào hệ thống thoát nước hiện hữu (bao gồm hệ thống cống và hố thu gom nước kích thước đường ống từ D300 đến 2D2000). Hướng thoát nước cụ thể như sau:

- Khu vực phía Đông nhà ga T2: thu gom và thoát vào hệ thống thoát nước của đường trục Võ Văn Kiệt.

- Khu vực phía Tây nhà ga T2: thu gom và thoát vào mương mở thoát nước chính phía Tây của cảng.

- Khu vực phía Nam nhà ga T2: thu gom và thoát vào mương mở thoát nước chính phía Nam của cảng.

e. Trạm xử lý nước thải:

Trạm xử lý nước thải được giữ tại vị trí hiện hữu và được mở rộng để nâng tổng công suất xử lý là 3.900 m³/ngày đêm.

g) Hệ thống thông tin liên lạc:

Nâng cấp hệ thống hạ tầng thông tin bao gồm hệ thống máng, dẫn và cáp quang, cáp đồng cùng hệ thống phân phối tại các phòng EDS mới kết nối với phòng tổng đài và hệ thống thông tin hiện hữu.

4.4. Hạ tầng đảm bảo an ninh hàng không:

Hạ tầng đảm bảo an ninh hàng không gồm hệ thống hàng rào an ninh, cổng ra vào và cốt gác. Chiều cao, quy cách hàng rào, cổng và cốt gác tuân thủ theo quy định của Thông tư 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam, Thông tư 41/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019.

4.5. Mặt bằng cao độ sân nền:

- Sân nền tạo mặt bằng khu với hướng dốc đều ra xung quanh các lô đất, sau đó đổ về hệ thống thu nước bố trí xung quanh lô đất và thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Cao độ khống chế sân nền như sau: Khu vực tiếp giáp với nhà ga T2 hiện hữu, hệ thống sân đỗ máy bay hiện hữu, sân đỗ máy bay nhà ga T2 dự kiến mở rộng được vượt êm thuận, đảm bảo độ dốc theo tiêu chuẩn:

+ Khu vực mở rộng phía Tây nhà ga T2: Độ dốc tối đa 2%, đảm bảo vượt nổi êm thuận với hiện trạng nhà ga, phù hợp hướng thoát nước hiện có.

+ Khu vực mở rộng phía Đông nhà ga T2: Độ dốc tối đa 2%, đảm bảo vượt nổi êm thuận với hiện trạng nhà ga, phù hợp hướng thoát nước hiện có.

+ Cao độ khống chế dọc theo ranh giới tiếp giáp với sân đỗ máy bay mở rộng được lấy theo cao độ thiết kế của dự án “Mở rộng sân đỗ máy bay và hệ thống tiếp nhiên liệu khu vực nhà ga hành khách T2 – Cảng HKQT Nội Bài” đã được phê duyệt.

- Hướng thoát nước theo hướng hệ thống thoát nước hiện hữu của khu vực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng giám đốc Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP, Giám đốc Cảng vụ hàng không miền Bắc, Giám đốc Cảng HKQT Nội Bài, Trưởng phòng quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục hàng không Việt Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Cảng vụ HKMB;
- Phòng: PCHTQT, QLHĐB, ANHK, KHĐT, KHCNMT;
- Lưu: VT, QLC (H 10b)

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Phạm Văn Hảo